

Bản án số: 09/2021/DSST

Ngày: 24/3/2021

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M-TP.CẦN THƠ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu

2. Ông Phan Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân quận M.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-DS ngày 02/3/2021 về vụ kiện: “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/ QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Đ**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu vực T P, phường T A, quận M, thành phố Cần Thơ.

-Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Khu vực T P, phường T A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Nguyên gia đình tôi sinh sống tại địa phương sau đó thấy bà L có tổ chức làm hội, vì hoàn cảnh gia đình nên tôi có tham gia vào chơi hội của bà L làm chủ, cụ thể:

- 02 chân hội 1.000.000 đồng, áp ngày 12/02/2019, tôi đã hốt 1 phần là 23.500.000 đồng, nhưng bà L mượn lại 20.000.000 đồng (chỉ giao 3.500.000 đồng), còn 1 phần hốt chót nhưng không giao tiền 23.500.000 đồng. Như vậy, chân hội này bà L thiếu 43.500.000 đồng.

- 01 chân hụi 2.000.000 đồng, áp ngày 06/10/2018 có 19 người, tôi đóng hết chót hốt được 35.000.000 đồng, nhưng bà L không giao tiền.

- 03 chân hụi 3.000.000 đồng, áp ngày 19/4/2019 có 15 người, tôi đóng hết chót hốt được 103.000.000 đồng, nhưng bà L chỉ giao được 13.900.000 đồng còn thiếu lại 89.600.000 đồng.

- 01 chân hụi 2.000.000 đồng, áp ngày 11/02/2019 có 19 người, tôi đóng được 12 lần 12.000.000 đồng sau đó bà L tuyên bố bế hụi.

Tổng số tiền bà L đã chiếm đoạt của tôi là 180.100.000 đồng. Sau khi bà L tuyên bố bế hụi tôi đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại số tiền trên, nhưng bà L hẹn lần hẹn lượt không thực hiện. Quá bức xúc với hành vi của bà L, nên tôi yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L trả cho tôi số tiền hụi 180.100.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu, một trăm nghìn đồng).

Phần trình bày của bị đơn - bà Nguyễn Thị L: Tôi có làm chủ hụi, bà Đ có vô hụi, cụ thể:

- 02 chân hụi 1.000.000 đồng, áp ngày 12/02/2019, bà Đ hốt 1 phần được 23.500.000 đồng, nhưng tôi mượn lại 20.000.000 đồng, giao 3.500.000 đồng. Còn 1 phần bà Đ cũng hốt được 23.500.000 đồng. Tổng cộng hai phần hụi này là 43.500.000 đồng.

- 03 chân hụi 3.000.000 đồng, áp ngày 19/4/2019 có 15 người, ba chân này bà Đ hốt được 103.000.000 đồng, tôi có giao 13.900.000 đồng, còn thiếu lại 89.600.000 đồng.

- 01 chân hụi 2.000.000 đồng, áp ngày 06/10/2018 có 19 người, bà Đ hốt được 35.000.000 đồng, nhưng tôi chưa giao còn thiếu lại.

- 01 chân hụi 2.000.000 đồng, áp ngày 11/02/2019 có 19 người, chân hụi này tôi thiếu 12.000.000 đồng của bà Đ.

Tổng cộng số tiền tôi thiếu bà Đ là 180.100.000 đồng. Nay tôi xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi nào hết số tiền nợ bà Đ.

Tại phiên hòa giải, các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền hụi 180.100.000 đồng.

- Phía bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà Đ số tiền 180.100.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi trả hết số nợ này.

- Nguyên đơn không chấp nhận lời trình bày của bị đơn. Yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi 180.100.000 đồng cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã được thẩm tra thấy rằng, tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp dân sự hợp đồng góp hội”. Quan hệ tranh chấp này được Luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bà Lê Thị Đ đòi bị đơn bà Nguyễn Thị L trả số tiền 180.100.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản tự khai của đương sự và trong quá trình tố tụng bị đơn bà L thừa nhận không phản đối, nên được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, việc bị đơn bà L còn nợ số tiền 180.100.000 đồng của nguyên đơn bà Đ là có thật. Bị đơn bà L yêu cầu xin được trả dần cho nguyên đơn bà Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi tất nợ. Tuy nhiên, yêu cầu này của bị đơn không được phía nguyên đơn chấp nhận, nên không có cơ sở xem xét.

Do đó, việc bà Đ đòi lại số tiền mà bà L thừa nhận còn nợ là có căn cứ, nên yêu cầu khởi kiện của bà Đ là có cơ sở chấp nhận và cần buộc bị đơn bà L có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn bà Đ là phù hợp.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Đ được chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên bị đơn bà L phải chịu án phí. Bà Đ được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

-Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

-Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho bà Lê Thị Đ số tiền 180.100.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu, một trăm nghìn đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

2/. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3/.Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Bị đơn bà L phải chịu 9.005.000 đồng (*Chín triệu, không trăm lẻ năm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

-Nguyên đơn bà Đ được nhận lại số tiền 4.503.000 đồng (*Bốn triệu, năm trăm lẻ ba ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 011521 ngày 26/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận M, thành phố Cần Thơ.

4/.Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP/CT;
- VKSND – Q. M;
- Chi cục THADS- Q. M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phi Hùng

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Út Hậu

Phan Văn Thiện

Nguyễn Phi Hùng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phi Hùng

